

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BIG BOSS**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BIG BOSS

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BIG BOSS CORPORATION JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: TẬP ĐOÀN BIG BOSS

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109638104

**3. Ngày thành lập:** 18/05/2021

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Phòng 315 Trung tâm ương tạo và Đào tạo Công nghệ cao – Khu CNC Hòa Lạc, Xã Thạch Hoà, Huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0966617947

Fax:

Email: [tapdoanbigboss@gmail.com](mailto:tapdoanbigboss@gmail.com)

Website: [tapdoanbigboss.com](http://tapdoanbigboss.com)

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                 | Mã ngành |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: Thiết kế thời trang liên quan đến dệt, trang phục, giày, đồ trang sức, đồ đạc và trang trí nội thất khác, hàng hóa thời trang khác cũng như đồ dùng cá nhân và gia đình khác; | 7410     |
| 2.  | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Tư vấn chuyển giao công nghệ                                                                                                         | 7490     |
| 3.  | Đại lý du lịch                                                                                                                                                                                                            | 7911     |
| 4.  | Điều hành tua du lịch<br>Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa, quốc tế                                                                                                                                            | 7912     |
| 5.  | Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                                                                                                                                       | 7990     |
| 6.  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                                 | 8230     |
| 7.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu những mặt hàng công ty kinh doanh                                                                                     | 8299     |
| 8.  | Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Sản xuất thực phẩm chức năng                                                                                                                                  | 1079     |
| 9.  | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)                                                                                                                                                                            | 1410     |
| 10. | Sản xuất sản phẩm từ da lông thú                                                                                                                                                                                          | 1420     |
| 11. | Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc                                                                                                                                                                                      | 1430     |
| 12. | Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú                                                                                                                                                                             | 1511     |
| 13. | Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm                                                                                                                                                            | 1512     |
| 14. | Sản xuất giày, dép                                                                                                                                                                                                        | 1520     |
| 15. | Sản xuất sợi nhân tạo                                                                                                                                                                                                     | 2030     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |             |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 16. | Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu<br>Chi tiết: Sản xuất hoá dược và dược liệu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 2100        |
| 17. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết:<br>Đại lý bán hàng hóa<br>Môi giới mua bán hàng hóa<br>(Trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4610        |
| 18. | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4620        |
| 19. | Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4631        |
| 20. | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4632        |
| 21. | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4633        |
| 22. | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4641        |
| 23. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác<br>- Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh<br>- Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh<br>- Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện<br>- Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự<br>- Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm<br>- Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao<br>- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu<br>- Bán buôn thực phẩm chức năng | 4649(Chính) |
| 24. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác<br>- Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt, phụ liệu may mặc và giày dép;<br>- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu<br>(Loại trừ hoạt động đấu giá và hoạt động nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                       | 4669        |
| 25. | Bán buôn tổng hợp<br>(Trừ hoạt động nhà nước cấm và hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4690        |
| 26. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp<br>Chi tiết: Bán lẻ thực phẩm chức năng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4711        |
| 27. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4719        |
| 28. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4721        |
| 29. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4722        |
| 30. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4723        |
| 31. | Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4751        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 32. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4753 |
| 33. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự;<br>- Bán lẻ đèn và bộ đèn;<br>- Bán lẻ dụng cụ gia đình và dao kéo, dụng cụ cắt, gọt; hàng gốm, sứ, hàng thủy tinh;<br>- Bán lẻ sản phẩm bằng gỗ, lie, hàng đan lát bằng tre, song, mây và vật liệu tết bện;<br>- Bán lẻ thiết bị gia dụng;<br>- Bán lẻ nhạc cụ;<br>- Bán lẻ thiết bị hệ thống an ninh như thiết bị khoá, kết sắt... không đi kèm dịch vụ lắp đặt hoặc bảo dưỡng;<br>- Bán lẻ thiết bị và hàng gia dụng khác chưa được phân vào đâu | 4759 |
| 34. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4771 |
| 35. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Kinh doanh thuốc, nguyên liệu làm thuốc;<br>- Mua bán trang thiết bị y tế                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4772 |
| 36. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc Lào lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4781 |
| 37. | Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4782 |
| 38. | Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn lưu động hoặc tại chợ<br>- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4784 |
| 39. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4791 |
| 40. | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (Trừ đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4799 |
| 41. | Vận tải hàng hóa đường sắt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4912 |

|     |                                                                                                                                                                           |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 42. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>(Loại trừ hoạt động nhà nước cấm)<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô                                                 | 4933 |
| 43. | Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương                                                                                                                                   | 5012 |
| 44. | Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa                                                                                                                                       | 5022 |
| 45. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa<br>( Không bao gồm kinh doanh bất động sản)                                                                                                   | 5210 |
| 46. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>( Trừ vận tải hàng không)                                                                                          | 5229 |
| 47. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                                                 | 5510 |
| 48. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                          | 5610 |
| 49. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên<br>với khách hàng                                                                                               | 5621 |
| 50. | Dịch vụ ăn uống khác                                                                                                                                                      | 5629 |
| 51. | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                                                                                                   | 5630 |
| 52. | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu,<br>chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>Chi tiết: Kinh doanh bất động sản                                             | 6810 |
| 53. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng<br>đất<br>Chi tiết: Dịch vụ tư vấn bất động sản<br>Dịch vụ môi giới bất động sản<br>(Trừ hoạt động đấu giá) | 6820 |
| 54. | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực<br>khoa học tự nhiên                                                                                           | 7211 |
| 55. | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực<br>khoa học kỹ thuật và công nghệ                                                                              | 7212 |
| 56. | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực<br>khoa học y, dược                                                                                            | 7213 |
| 57. | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực<br>khoa học nông nghiệp                                                                                        | 7214 |
| 58. | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực<br>khoa học xã hội                                                                                             | 7221 |
| 59. | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực<br>khoa học nhân văn                                                                                           | 7222 |
| 60. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                                  | 7320 |

**6. Vốn điều lệ:** 9.999.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 999.900

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông       | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|-------------------|------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | ĐẶNG VĂN<br>LUÂN  | Thôn R'Chai 1,<br>Xã Phú Hội,<br>Huyện Đức<br>Trọng, Tỉnh Lâm<br>Đồng, Việt Nam    | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 239.976       | 2.399.760.000            | 24,000       | 251134062                                                                                                              |            |
|     |                   |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                    | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                    | Tổng số                            | 239.976       | 2.399.760.000            | 24,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                    |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |
| 2   | ĐẶNG THỊ<br>GIANG | Thôn Ngọc Chúc<br>1, Xã Chí Đám,<br>Huyện Đuan<br>Hùng, Tỉnh Phú<br>Thọ, Việt Nam  | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 659.934       | 6.599.340.000            | 66,000       | 132008556                                                                                                              |            |
|     |                   |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                    | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                    | Tổng số                            | 659.934       | 6.599.340.000            | 66,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                    |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |

|   |               |                                                                          |                           |        |             |        |           |
|---|---------------|--------------------------------------------------------------------------|---------------------------|--------|-------------|--------|-----------|
| 3 | ĐẶNG THỊ LINH | Phố B Nơ A, Thị Trấn Lạc Dương, Huyện Lạc Dương, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 99.990 | 999.900.000 | 10,000 | 251026629 |
|   |               |                                                                          | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000  |           |
|   |               |                                                                          | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000  |           |
|   |               |                                                                          | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000  |           |
|   |               |                                                                          | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000  |           |
|   |               |                                                                          | Tổng số                   | 99.990 | 999.900.000 | 10,000 |           |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: ĐẶNG VĂN LUÂN

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 03/09/1997

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 251134062

Ngày cấp: 29/07/2014 Nơi cấp: Công an Tỉnh Lâm Đồng

Địa chỉ thường trú: Thôn R'Chai 1, Xã Phú Hội, Huyện Đức Trọng, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Trung Tâm Ươm Tạo và Đào Tạo Công Nghệ Cao, Bộ Khoa Học và Công Nghệ, Km 29 Đại lộ Thăng Long, Xã Thạch Hoà, Huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội